

TỔNG QUAN

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến không thuận lợi, phức tạp, khó lường, nhất là căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị cũng là thách thức đối với kinh tế thế giới và ảnh hưởng tới kinh tế Việt Nam. Trong nước, nền kinh tế tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Mặc dù vậy, nền kinh tế nước ta vẫn đang phải đối mặt với không ít khó khăn, hạn chế trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn khi dịch tả lợn châu Phi lây lan trên diện rộng; nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản không thuận lợi về thị trường và giá xuất khẩu; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch và chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2019. Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục duy trì tăng trưởng khá và ổn định, tất cả các ngành, lĩnh vực được chủ động thực hiện và đạt được kết quả tích cực; tổ chức thành công hội thảo khoa học “Phát triển Ninh Thuận trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước”, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo và những vấn đề bức xúc xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; các chính sách an sinh xã hội được quan tâm triển khai đầy đủ, kịp thời... tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2019 thể trên các lĩnh vực như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2019 ước tăng 13,25% so với năm 2018; trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6%, đóng góp

2,13 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 39,86%, đóng góp 7,39 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,84%, đóng góp 2,65 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 15,01%, đóng góp 1,08 điểm phần trăm.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Ngành nông nghiệp tăng 6,52% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,94 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; ngành lâm nghiệp giảm 19,26%, đóng góp giảm 0,09 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 6,2%, đóng góp 1,28 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng: Ngành công nghiệp tăng 35,17% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 3,29 điểm phần trăm; trong đó, ngành khai khoáng giảm 0,5%, đóng góp giảm 0,01 điểm phần trăm mức tăng trưởng chung; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,7%, đóng góp giảm 0,04 điểm phần trăm; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt... tăng 217,6%, đóng góp 3,24 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 44,65%, đóng góp 4,1 điểm phần trăm.

Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,51 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; vận tải kho bãi tăng 9,51%, đóng góp 0,23 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,18%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm; hoạt động thông tin và truyền thông tăng 7,73%, đóng góp 0,52 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,36%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm; hoạt động giáo dục và đào tạo tăng 5,01%, đóng góp 0,22 điểm phần trăm...

Về cơ cấu kinh tế (GRDP) năm 2019: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 34,19%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 23,14%; khu vực dịch vụ chiếm 35,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,17% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2018 là: 36,57%; 18,31%; 38,01% và 7,11%).

+ Kim ngạch xuất khẩu đạt 100 triệu USD, tăng 17,65% so cùng kỳ năm 2018.

+ Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,66% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Dân số trung bình là 591 nghìn người, tăng 0,37% so với năm 2018.

+ Tỷ lệ tăng tự nhiên 9,14‰, tăng 0,05‰ so cùng kỳ năm 2018.

2. Thu, chi ngân sách nhà nước và bảo hiểm

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2019 ước đạt 4.247,4 tỷ đồng, đạt 157,3% dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao; trong đó, thu nội địa đạt 2.873,3 tỷ đồng, tăng 17,5% so cùng kỳ; thu hải quan đạt 1.370 tỷ đồng, tăng 75,7% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2019 ước đạt 7.786,7 tỷ đồng, giảm 20,9% so cùng kỳ năm 2018, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 1.906,6 tỷ đồng (chiếm 24,5% tổng chi), giảm 4,9%; chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính đạt 3.442 tỷ đồng (chiếm 44,2%), tăng 6%.

Năm 2019, cả tỉnh có 38,9 nghìn người tham gia bảo hiểm xã hội, tăng 3,5% so với năm 2018; 545,9 nghìn người tham gia bảo hiểm y tế, tăng 5,6% và 30,8 nghìn người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, xấp xỉ cùng kỳ. Tổng số thu bảo hiểm năm 2019 đạt 1.067,2 tỷ đồng, tăng 9,5% so với năm 2018, trong đó: Thu bảo hiểm xã hội đạt 555,8 tỷ đồng, chiếm 52% tổng số thu bảo hiểm; thu bảo hiểm y tế đạt 474,6 tỷ đồng, chiếm 44,5%; thu bảo hiểm thất nghiệp đạt 36,8 tỷ đồng, chiếm 3,5%. Tổng số chi bảo hiểm năm 2019 đạt 1.225,8 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2018, trong đó: Chi bảo hiểm xã hội đạt 627,5 tỷ đồng, chiếm 51,2% tổng số chi bảo hiểm; chi bảo hiểm y tế đạt 554,3 tỷ đồng, chiếm 45,2%; chi bảo hiểm thất nghiệp đạt 44 tỷ đồng, chiếm 3,6%.

3. Đầu tư

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2019 (theo giá hiện hành) ước đạt 24.839,3 tỷ đồng, tăng 79,1% so cùng kỳ, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước ước đạt 3.293,8 tỷ đồng, chiếm 13,3% trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội và giảm 19,1%; khu vực ngoài nhà nước đạt 17.433,2 tỷ đồng, chiếm 70,2% và tăng 121,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.112,3 tỷ đồng, chiếm 16,5% và tăng 115,3%.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, năm 2019 có 1 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 77,27 triệu USD, giảm 6 dự án và giảm 75,6% về vốn đăng ký so với năm 2018. Trong các quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án

đầu tư có đến 31/12/2019, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với tổng số vốn đạt 235,4 triệu USD, chiếm 21,1% tổng vốn đăng ký, tiếp đến là Canada 200 triệu USD, chiếm 17,9%; Anh 178,78 triệu USD, chiếm 16%.

4. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2019 tăng 4,49% so với tháng 12 năm trước và tăng 2,66% so với bình quân cùng kỳ; bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,37%.

Chỉ số giá vàng tháng 12 năm 2019 tăng 18,29% so cùng kỳ tháng 12 năm 2018 và bình quân 12 tháng so cùng kỳ tăng 8,27%. Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,84% so với cùng kỳ tháng 12 năm 2018 và bình quân 12 tháng so cùng kỳ năm 2018 tăng 0,62%.

5. Hoạt động doanh nghiệp

Năm 2019 là năm thứ tư liên tiếp có số doanh nghiệp thành lập mới tăng cao, tăng 22,7% so cùng kỳ (529 doanh nghiệp), cao nhất từ trước đến nay; nâng tổng số đến ngày 31/12/2019 có 3.164 doanh nghiệp đang hoạt động, tổng vốn 52.243 tỷ đồng, bình quân 16,4 tỷ đồng/01 DN, tăng 1,7 lần so năm 2015. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường một số lĩnh vực có tỷ lệ tăng cao, như: Sản xuất điện tăng 77,7%; xây dựng, kinh doanh bất động sản tăng 42,7%; sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng 30,7%; bán buôn, bán lẻ tăng 15,2% ...; số người dân của tỉnh/1 DN được rút ngắn nhanh hơn, nếu như năm 2015, Ninh Thuận có 280 người dân/1 DN, đến nay còn 186 người dân/1 DN (cả nước 134 người dân/1 DN). Hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh góp phần giải quyết việc làm cho trên 28.300 lao động, chiếm 35,8% lực lượng lao động trong các cơ sở kinh tế; đóng góp khoảng 77% tổng thu ngân sách, trên 47% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và hơn 20% GRDP của tỉnh.

Về đầu tư của các thành phần kinh tế: Đã tạo được làn sóng đầu tư mới, thu hút các tập đoàn, tổng công ty lớn, có thương hiệu trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực đột phá, trụ cột về năng lượng tái tạo, du lịch chất lượng cao, kinh doanh bất động sản... Trong năm 2019, đã cấp 34 dự án với tổng vốn 24.253 tỷ đồng, trong đó, quyết định chủ trương đầu tư 22 dự án/10.969 tỷ đồng; chấp thuận chủ trương địa điểm 12 dự án/13.284 tỷ đồng, trong đó có một số dự án quy mô lớn đang tích cực triển khai thực hiện.

Số doanh nghiệp thực tế đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2018 là 1.715 doanh nghiệp, tăng 8% so với năm 2017, trong đó, doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 8,3%; doanh nghiệp Nhà nước không tăng giảm; riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 16,7%.

Lao động làm việc trong toàn bộ khu vực doanh nghiệp năm 2018 xấp xỉ so với năm 2017, trong đó lao động trong khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,3%; lao động trong doanh nghiệp Nhà nước tăng 1,4%; lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 6,3%.

Vốn sản xuất kinh doanh bình quân của khu vực doanh nghiệp năm 2018 tăng 16,6% so với năm 2017, trong đó vốn của doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 20,2%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 27,2%; doanh nghiệp Nhà nước giảm 11,6%.

Năm 2018, doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp đạt 24.009,8 tỷ đồng, tăng 13,2% so với năm 2017, trong đó doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 20.834,9 tỷ đồng, tăng 13%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.338,5 tỷ đồng, tăng 16,5%; doanh nghiệp Nhà nước đạt 1.836,4 tỷ đồng, tăng 12,8%.

6. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 82.269 ha, tăng 0,7% so với năm 2018; trong đó, cây lúa đạt 44.347 ha, tăng 3,3%; cây ngô đạt 11.032 ha, giảm 5,9%; cây mỳ (sắn) đạt 4.478 ha, tăng 54,5%; diện tích cây mía thu hoạch đạt 3.562 ha, tăng 0,8%; cây có hạt chứa dầu đạt 1.095 ha, giảm 3,5%; cây rau, đậu, hoa, cây cảnh đạt 12.684 ha, giảm 1,1%; cây hàng năm khác đạt 4.522 ha, tăng 33,5%.

Dự ước năng suất lúa cả năm 2019 đạt 59,3 tạ/ha, tăng 2,6 tạ/ha so năm 2018. Ước tính sản lượng lúa cả năm đạt 262,8 nghìn tấn, tăng 8% so năm 2018, nguyên nhân do thuận lợi về nguồn nước và kỹ thuật sản xuất được nâng cao, công tác phòng chống sâu bệnh trên cây lúa thực hiện tốt, diện tích cây nhiễm các loài sinh vật gây hại trong vụ giảm đáng kể. Sản lượng ngô ước đạt 47,5 nghìn tấn, giảm 4%; sản lượng rau, đậu các loại đạt 153,5 nghìn tấn, tăng 7% so cùng kỳ... Đặc biệt, sản lượng sắn đạt 88,9 nghìn tấn, tăng 48%, nguyên nhân chủ yếu do tăng diện tích gieo trồng, góp phần nâng cao giá trị sản xuất ngành,...

Tổng diện tích cây ăn quả như: Nho ước đạt 1.220 ha, giảm 2,3% so cùng kỳ; xoài ước đạt 492 ha, tăng 16,9%; táo ước đạt 994 ha, giảm 2,3%,... Trong những cây ăn quả trên, nho là cây giá trị tạo ra cao nhất, chiếm 19,9% diện tích cây ăn quả (diện tích cho sản phẩm đạt 1.109 ha). Ngoài giống nho xanh và nho đỏ, hiện tại giống nho NH01-152 được Viện nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ cho lai tạo thành công, kỳ vọng sẽ giúp người dân Ninh Thuận nâng cao hiệu quả kinh tế cũng như tăng khả năng cạnh tranh với các giống nho ăn tươi nhập khẩu hiện nay. Bên cạnh đó, cây táo cũng là cây góp phần nâng cao giá trị kinh tế với diện tích hiện có ước đạt 916 ha.

Cây điều có diện tích cao nhất với 4.396 ha, giảm 2,9% so cùng kỳ (giảm 133 ha), do điều được trồng hầu hết ở vùng đồi trọc, khô cằn, hằng năm thời tiết hạn hán kéo dài, cây thiếu nước không phát triển mạnh đồng thời cây trồng quá lâu, cằn cỗi không cho năng suất nên một số hộ dân chặt phá đi để trồng các loại cây khác. Trong năm có trồng mới, một số thuộc dự án che phủ rừng, diện tích trồng mới đạt 159 ha.

Sản lượng năm 2019 của một số cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả như sau: Cây điều đạt 1.069 tấn, tăng 12,9%; cây tiêu đạt 14,3 tấn, tăng 18,9%; cà phê đạt 90 tấn, bằng cùng kỳ; nho đạt 25,4 nghìn tấn, tăng 3,8%; táo đạt 35,2 nghìn tấn, tăng 1,2%; xoài đạt 3,8 nghìn tấn, giảm 6,3%.

Nhìn chung sản xuất trong năm 2019, do tình hình thời tiết trong tỉnh thuận lợi cho cây trồng phát triển, nước tưới đầy đủ, không xảy ra hạn hán như các năm trước. Dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ, không xảy ra dịch hại, các dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng. Một số mô hình ứng dụng tiên bộ KHKT mới bước đầu có hiệu quả đang được triển khai nhân rộng như: Mô hình san phẳng mặt ruộng điều khiển bằng tia laser; mô hình bao lưới trên giàn táo,... đã giúp nông dân có điều kiện ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, góp phần thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục đó là: Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường, tính chủ động trong điều hành sản xuất của một số địa phương không kịp thời đã ảnh hưởng đến kế hoạch chuyển đổi chung. Việc xác định một số vùng chuyển đổi và cơ cấu cây trồng của một số địa phương chưa thật sự phù hợp, hiệu quả, bền vững.

Dịch bệnh gia súc, gia cầm trong năm được giám sát chặt chẽ, không phát hiện gia súc, gia cầm mắc bệnh truyền nhiễm cúm gia cầm, tai xanh heo, lở mồm, long móng gia súc, bệnh đậu... Riêng đối với dịch tả lợn châu Phi (DTLCP), Ninh Thuận là tỉnh được công bố dịch lần đầu vào ngày 30/8¹. Theo kết quả điều tra thời điểm 1/10/2019: Tổng đàn trâu có 3.843 con, xấp xỉ cùng kỳ năm trước; đàn bò hiện có 118,8 nghìn con, giảm 1%; đàn heo hiện có 89 nghìn con, giảm 1,5%; đàn cừu hiện có 114,5 nghìn con, giảm 19,4% và đàn dê hiện có 128,7 nghìn con, giảm 4,8%. Tổng đàn gia cầm hiện có 1.877,5 nghìn con, tăng 21,2% so cùng kỳ, trong đó đàn gà 1.314,5 nghìn con, tăng 40,2%; đàn vịt, ngan, ngỗng 563 nghìn con, giảm 7,9%.

Tình hình lâm nghiệp của tỉnh chủ yếu vẫn tập trung vào công tác trồng, chăm sóc, phục hồi, tái sinh và bảo vệ rừng... gắn với cải thiện môi trường nhằm góp phần tạo hệ sinh thái cân bằng, ổn định và bền vững lâu dài. Tổng diện tích rừng trồng tập trung đạt 402 ha, tăng 45,2% so với cùng kỳ, trong đó: diện tích rừng sản xuất trồng mới đạt 95 ha, rừng phòng hộ trồng mới đạt 307 ha. Sản lượng khai thác gỗ năm 2019 khu vực cá thể ước đạt 2.253m³, tăng 1,8% so với cùng kỳ, chủ yếu là khai thác rừng trồng các năm trước.

Tổng sản lượng thủy sản năm 2019 ước đạt 124,39 nghìn tấn, tăng 5,4% so cùng kỳ năm 2018. Sản lượng nuôi trồng ước đạt 10,79 nghìn tấn, tăng 5,9%; sản lượng khai thác ước đạt 113,6 nghìn tấn, tăng 5,4% so cùng kỳ năm 2018. Sản xuất giống thủy sản ước năm 2019 đạt 34.220 triệu con, tăng 10,1% so năm 2018; trong đó sản xuất tôm Post giống đạt 33.900 triệu con, tăng 9,6%; sản xuất giống ốc hương đạt 320 triệu con, tăng 106% so năm 2018.

Thời tiết biển trong năm nhìn chung thuận lợi, lượng cá xuất hiện nhiều, nhất là cá cơm, cá nục phù hợp với nghề khai thác truyền thống pha xúc, lưới vây của tỉnh. Đàn cá cơm xuất hiện nhiều từ tháng 2 đến tháng 9, sau đó giảm dần trong quý IV, đỉnh điểm cá xuất hiện nhiều nhất từ cuối tháng 6 đến hết tháng 9. Sản lượng thủy sản biển khai thác của tỉnh chủ yếu là cá cơm, cá nục. Năm 2019, ước sản lượng cá cơm và cá nục đạt 88,37 nghìn tấn, tăng 3,7% so cùng kỳ, chiếm 77,9% cơ cấu sản lượng khai thác biển.

¹ Tại các KP1, KP4, KP6-Thị trấn Tân Sơn, tiếp đến là thôn Trà Giang-xã Lương Sơn, Nha Hồ-Nhon Sơn thuộc khu vực huyện Ninh Sơn; các khu vực khác như Láng Me-Bắc Phong-Thuận Bắc, Ha Lá Hạ-Phước Thắng-Bắc Ái cũng xảy ra dịch và đã có 3/7 huyện trong tỉnh công bố DTLCP.

Sản xuất giống thủy sản của tỉnh năm 2019 rất thuận lợi, các cơ sở sản xuất giống hoạt động liên tục, do điều kiện thời tiết khá ổn định, quá trình ương nuôi khá hiệu quả, kết hợp việc ký kết biên bản hợp tác tăng cường công tác quản lý chất lượng giống thủy sản với các tỉnh miền Tây nên hạn chế được tình trạng xuất tôm theo dạng “hàng chợ”.

- Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh dự tính cả năm 2019 tăng 11,7% so cùng kỳ 2018 (chỉ số sản xuất công nghiệp 2018 tăng 9,7%)². Trong đó, sản phẩm điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, với chỉ số sản xuất tăng hơn 3 lần so cùng kỳ đã mang lại tăng trưởng đột phá cho ngành công nghiệp của địa phương, là nhân tố chính tác động tăng chung toàn ngành công nghiệp năm 2019.

+ Công nghiệp khai khoáng: Chiếm tỷ trọng 14,98% (cơ cấu giá trị tăng thêm toàn ngành), chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng cả năm ước giảm 9,4% so cùng kỳ; trong đó, chủ yếu do ngành khai thác muối biển giảm 25,84% so cùng kỳ năm trước, do hậu quả mưa lũ cuối năm 2018 và số lượng muối tiêu thụ đạt thấp. Chỉ số sản xuất ngành khai khoáng làm giảm 1,4 điểm % chỉ số ngành công nghiệp.

+ Công nghiệp chế biến, chế tạo: Chiếm tỷ trọng 59,32% (cơ cấu giá trị tăng thêm toàn ngành), chỉ số sản xuất ước cả năm bằng 99,9% so cùng kỳ. Trong đó:

- Sản xuất chế biến thực phẩm, dự ước tăng 9,1%, bao gồm các ngành: Chế biến thủy sản (tôm đông lạnh) giảm 4,02%; chế biến rau quả (nhân điều) tăng 48,67%; sản xuất tinh bột (tinh bột sắn) tăng 46,7%; sản xuất đường (RS) giảm 54%; chế biến muối thực phẩm giảm 23,53%.

- Sản xuất đồ uống (chủ yếu bia đóng lon các loại) giảm 10,41% so cùng kỳ.

- Sản xuất vật liệu xây dựng ước bằng 100% so cùng kỳ, trong đó: sản xuất xi măng tăng 16,79%; sản xuất gạch đất nung giảm 4,84%;

- Ngành dệt (SX sợi, khăn bông) ước tính tăng 3,45%.

- Ngành sản xuất trang phục giảm 15% so cùng kỳ.

² Chỉ số công nghiệp lần lượt tăng qua các quý: quý I tăng 1,45%, quý II tăng 24,06%, quý III tăng 67,44% và ước quý IV tăng 75,81% so cùng kỳ.

+ Công nghiệp sản xuất và phân phối điện...: Chiếm tỷ trọng 19,6% (cơ cấu quyền số sản xuất), chỉ số sản xuất ước tính cả năm tăng 217,7%, đóng góp tăng 42,65 điểm % vào chỉ số chung toàn ngành. Trong đó, sản lượng điện sản xuất các loại tăng 76%, điện thương phẩm tăng 9,71% so cùng kỳ.

+ Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác ...: Chiếm tỷ trọng 6,1% (cơ cấu chỉ số sản xuất toàn ngành), chỉ số sản xuất dự tính tăng 7,49% so cùng kỳ; trong đó hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 8,65% cùng kỳ; xử lý thu gom rác thải tăng 3,89% so cùng kỳ.

- Hoạt động dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2019 ước đạt 22.797,1 tỷ đồng, tăng 12,7% so với năm 2018. Xét theo ngành kinh doanh, bán lẻ hàng hóa đạt 17.453,9 tỷ đồng, chiếm 76,56% và tăng 12,3%; dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 3.379,8 tỷ đồng, chiếm 14,82% và tăng 13,9%; du lịch lữ hành đạt 5,8 tỷ đồng, chiếm 0,03% và tăng 13,2%; dịch vụ khác đạt 1.957,6 tỷ đồng, chiếm 8,59% và tăng 14,7% so cùng kỳ.

Tính đến thời điểm 31/12/2019, toàn tỉnh có 101 chợ được xếp hạng, 6 siêu thị và 1 trung tâm thương mại.

Năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh phát triển tương đối mạnh, trong đó khu vực du lịch, dịch vụ phát triển khá, nhu cầu vui chơi, tham quan, giải trí, mua sắm và dịch vụ tiêu dùng của nhân dân và khách du lịch tăng lên trong những ngày tết Dương lịch, tết Nguyên đán, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3... Nguồn cung hàng hóa dồi dào, do đó tình hình giá cả tương đối ổn định, hàng hoá được lưu thông thông suốt, mặc dù một số mặt hàng rau củ, trái cây, bia, thủy hải sản... tăng trong dịp tết Nguyên đán, song mức tăng tương đương với cùng Tết năm trước, không có sự tăng giá đột biến làm ảnh hưởng đến tâm lý của người dân, không có hiện tượng đầu cơ, găm hàng gây bất ổn thị trường.

Doanh thu vận tải ước đạt 1.298,8 tỷ đồng, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó doanh thu vận tải hàng hóa đạt 836,2 tỷ đồng, tăng 12% và doanh thu vận tải hành khách đạt 388,6 tỷ đồng, tăng 12,1%.

Vận chuyển hành khách đạt 6.916 nghìn lượt hành khách, tăng 10,1%; luân chuyển hành khách đạt 545,4 triệu hk.km, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm

2018. Vận chuyển hàng hóa đạt 7.729 nghìn tấn hàng hóa, tăng 11,2%; luân chuyển hàng hóa đạt 579,9 triệu tấn.km, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2018.

Tình hình hoạt động vận tải năm 2019 đáp ứng nhu cầu đi lại, tham quan của nhân dân cũng như vận chuyển hàng hóa trong sản xuất kinh doanh.

7. Một số vấn đề xã hội

- Dân số, lao động, việc làm

Dân số trung bình năm 2019 đạt 591,03 nghìn người, tăng 2.172 người, tương đương tăng 0,37% so với năm 2018, bao gồm dân số thành thị là 211,31 nghìn người, chiếm 35,75%; dân số nông thôn là 379,72 nghìn người, chiếm 64,25%; dân số nam là 296,35 nghìn người, chiếm 50,14%; dân số nữ là 294,68 nghìn người, chiếm 49,86%; tỉ lệ tăng tự nhiên là 9,14‰; tỷ suất sinh thô là 15,54‰; tỉ suất chết thô là 6,4‰.

Tổng tỷ suất sinh năm 2019 đạt 2,09 con/phụ nữ, tiếp tục duy trì ở mức sinh thay thế. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi là 15,5‰. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi là 23,3‰. Tuổi thọ trung bình của dân số cả tỉnh năm 2019 là 73 năm, trong đó nam là 70,4 năm và nữ là 75,8 năm.

Năm 2019, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh đạt 338,5 nghìn người, giảm 2,1 nghìn người so với năm 2018; trong đó, lao động nam chiếm 54,5%; lao động nữ chiếm 45,5%; lực lượng lao động ở khu vực thành thị chiếm 33,9%; lực lượng lao động ở nông thôn chiếm 66,1%.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2019 đạt 329 nghìn người, giảm 1,2 nghìn người so với năm 2018; trong đó, lao động khu vực nhà nước là 29,3 nghìn người, chiếm 8,9% tổng số lao động đang làm việc của tỉnh; khu vực ngoài nhà nước là 299,1 nghìn người, chiếm 90,9%; khu vực đầu tư nước ngoài là 0,6 nghìn người, chiếm 0,2%.

Năm 2019, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 18,9%; trong đó, lao động đã qua đào tạo khu vực thành thị đạt 32,2%; khu vực nông thôn đạt 12,1%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2019 là 2,92%, trong đó khu vực thành thị là 3,7%; khu vực nông thôn là 2,53%. Tỷ lệ

thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 2,9%, trong đó khu vực thành thị là 1,4%; khu vực nông thôn là 3,7%.

- Đời sống dân cư

Năm 2019, thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành đạt 2.834 nghìn đồng, tăng 6,4% so với năm 2018. Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo năm 2019 là 6,34%, giảm 2% so năm 2018.

Năm 2019 là năm tình hình thời tiết diễn ra trên địa bàn tỉnh có những biến đổi bất thường. Lượng mưa thấp, mùa mưa kết thúc sớm và thiếu nước vào mùa mưa ảnh hưởng nặng nề đến kế hoạch sản xuất nông nghiệp. Năm 2019 có 10 - 12 đợt không khí lạnh tăng cường mạnh xuống phía nam và ảnh hưởng đến Ninh Thuận đã gây ra mưa rào; gió Đông Bắc trên đất liền cấp 3, cấp 4, vùng ven biển cấp 5; trên biển cấp 6, cấp 7, giạt cấp 8-9. Nắng nóng xuất hiện từ đầu tháng 4 đến tháng 9 với số ngày nắng nóng trong năm là 73 ngày, ở mức cao hơn TBNN; tổng lượng mưa năm ở các khu vực đều thấp hơn từ 30-40%. Theo số liệu, mưa lũ làm 05 người chết (Thuận Nam); 01 người bị mất tích; 01 người bị thương; nhà bị sập, sạt vách, hư hỏng, tóc mái: 67 cái. Về thủy sản: Tàu bị chìm 02 chiếc. Về giao thông: Tuyến đường tỉnh lộ 707 (từ Ninh Bình - Phước Bình) bị sạt lở đất đá tràn qua mặt đường tại Km32 (*khu vực Bẫy đá PinăngTắc*) gây ách tắc giao thông; tuyến đường đi qua Suối Vơ xã Phước Tân, huyện Bác Ái bị sạt lở 50m. Về thủy lợi: Kè bảo vệ đường vào Đồn Biên phòng Thanh Hải xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải bị sạt lở khoảng 65m; đê Đông Hải bị sạt lở 02 vị trí trên mái đê với diện tích sạt lở khoảng 50 m² và trên mặt đê (đường quản lý) bị sạt lở tạo hố lún sâu với chiều dài khoảng 20m, rộng 6m, sâu 2m. Thiệt hại khác: Trường THCS Nguyễn Văn Linh xã Phước Tân bị sập tường rào 30m và phòng học bị tốc mái khoảng 100 m²; tường rào UBND xã Phước Tiến bị sập 4m. *Ước tổng giá trị thiệt hại do bão lũ gây ra năm 2019 là 4,92 tỷ đồng.*

- Trật tự và an toàn xã hội

Tính chung 12 tháng năm 2019 (từ ngày 15/11/2018 đến ngày 14/12/2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận) (tính cả đường sắt 03 vụ và 02 người chết) xảy ra 49 vụ tai nạn giao thông (không tính va chạm) làm chết 53 người,

số người bị thương là 27 người. So cùng kỳ năm 2018 giảm cả 3 tiêu chí: số vụ giảm 18 vụ, số người chết giảm 10 người và số người bị thương giảm 23 người.

Năm 2019 xảy ra 12 vụ cháy, giảm 04 vụ so cùng kỳ, bị thương 01 người (năm trước không có thương vong), thiệt hại tài sản 7,1 tỷ đồng, tăng 2,1 lần so cùng kỳ.

Tóm lại: Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 trên địa bàn tỉnh mặc dù trong bối cảnh có không ít khó khăn, nhưng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao (+13,25%). Sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng trưởng khá; công nghiệp - xây dựng tăng cao; nhất là ngành sản xuất và phân phối điện,... tăng (+217,7%), xây dựng tăng (+44,65%); thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng khá nhanh, đặc biệt là các dự án năng lượng tái tạo. Năm 2019, hầu hết các ngành, các lĩnh vực đều có tăng trưởng cao hơn năm 2018 và đạt kế hoạch năm 2019. Hoạt động kinh doanh thương mại, lưu thông hàng hóa được tổ chức thông suốt, nguồn cung hàng hóa dồi dào, cân đối cung cầu trên thị trường được giữ vững, giá cả hợp lý. Các chủ trương, giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ về kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Vị thế của tỉnh được nâng lên, tạo được diện mạo mới, sức bật mới, nhất là các khâu đột phá về năng lượng tái tạo... Trong lĩnh vực xã hội có nhiều tiến bộ, các chính sách an sinh xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, công tác chăm lo cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách trong dịp tết Nguyên đán được quan tâm thực hiện tốt hơn; quy mô giáo dục được duy trì và chất lượng giáo dục được nâng lên; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được đảm bảo, vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường; an ninh, chính trị được giữ vững.